TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HSST
Ngày: 21-8-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Quang Bảo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Minh**;
2. Ông **Trần Thanh Nghị**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vũ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hứa Thoại Khương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2018/HSST ngày 22/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2018/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

- Họ và tên: : Phạm Thị Bé S. Sinh năm : 1987
- ĐKHKTT : Ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.
- Chổ ở : Ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh
- Tôn giáo : Cao Đài.
- Học lực : 07/12.
- Nghề nghiệp : Nội trợ.
- Cha : Phạm Văn C, sinh năm 1953.
- Mẹ : Hồ Thị Th (Đã chết).
- Chồng : Huỳnh Văn H, sinh năm 1986.
- Con : Có 01 con sinh năm 2014.
- Tiền án, tiền sự : Chưa.
- Bị cáo được tại ngoại.

* *Bị hại:* Bà La Thị T, sinh năm 1954*;* Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Bà La Thị Th, sinh năm: 1956; Nơi cư trú: Khóm 5, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 11/4/2018, Phạm Thị Bé S ngụ ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú một mình điều khiển xe đạp (loại xe đạp nữ) chạy đến nhà của bà La Thị T ngụ cùng địa phương để hỏi mượn tiền của bà T. Tại đây, Bé S thấy bà T đang ngồi nhồi dừa một mình phía sau nhà bếp, nên lại gần ngồi nói chuyện, rồi hỏi mượn tiền nhưng bà T không cho mượn, vì cho rằng không quen thân với Bé S. Nói chuyện xong, bà T thấy xác dừa dính vào 03 chiếc nhẫn vàng 24 kara (trong đó gồm: 02 chiếc 01 chỉ và 1 chiếc 02 chỉ) đang đeo trên tay, nên đã tháo 03 chiếc nhẫn ra để lên bàn để bếp gas phía trước mặt, cách chỗ ngồi khoảng 01 mét, xong đi ra phía sau nhà bếp đổ xác dừa. Lúc này, lợi dụng bà T không để ý, Bé S liền lén lút lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng 24 kara trọng lượng 02 chỉ của bà T để vào túi quần cất giấu, rồi điều khiển xe đạp chạy về. Sau khi lấy trộm được tài sản, Bé S thuê xe đò chở đến tiệm vàng Kim Yến tại phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang bán chiếc nhẫn trên được 7.240.000 đồng, bán xong Bé S về lại nhà.

Bà T sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản đã đến Công an xã Vĩnh Trường trình báo sự việc. Qua điều tra, xác minh ban đầu phát hiện Bé S có nhiều biểu hiện nghi vấn, nên Công an xã Vĩnh Trường đã mời Bé S về làm việc, tại đây Bé S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 24/KL.TSĐGTTHS ngày 16/4/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, xác định: 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24 kara loại nhẫn trơn, trọng lượng 02 chỉ, trị giá: 7.420.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo còn phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như:

- Lời khai của bị hại La Thị T trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Hiện bà T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

- Lời khai của người làm chứng Hồ Thị Y, Đinh Văn T1, Phạm Văn X trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Theo đó có biết việc bà T nghi ngờ Bé S lấy trộm vàng nhưng bị cáo không thừa nhận, không có thấy bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm tài sản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan La Thị Th khai: Buổi trưa ngày 11/4/2018 tiệm vàng do bà làm chủ có nhiều khách đến mua bán vàng, do vậy bà không nhớ chính xác là có thu mua chiếc nhẫn do bị cáo mang đến bán hay không và trường hợp nhẫn thu vào thì sau đó đã nấu chảy ra để làm thành trang sức khác. Ngoài ra bà cho biết không còn giữ biên lai mua bán giữa tiệm và khách hàng, bà chỉ hay biết sự việc khi cơ quan công an mời làm việc. Bà không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 29/VKS-HS ngày 20/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Phạm Thị Bé S về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo khai mục đích ban đầu khi đến nhà bà T chỉ là hỏi mượn tiền, khi thấy tài sản không có người trông coi đã nảy sinh lòng tham nên thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khi được cơ quan công an mời làm việc, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình và giao nộp lại toàn bộ số tiền do bán vàng mà có.

Bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử không xử phạt tù bị cáo do bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ một mình.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Thị Bé S với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "*Trộm cắp tài sản*", thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về biện pháp tư pháp: Tài sản đã trả lại cho bị hại và tại phiên tòa bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không xem xét.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo 01 cái áo thun nữ, ngắn tay, màu vàng chấm bi đen và 01 quần thun nữ, màu vàng chấm bi đen do không liên quan đến việc phạm tội.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt. Bị cáo nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho được hưởng án treo để có điều kiện nuôi con nhỏ, hứa không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét: Những người tham gia tố tụng vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản biên bản ghi lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường...và tại phiên tòa hôm nay thể hiện vào ngày 11/4/2018 bị cáo lợi dụng sự sơ hở của bà La Thị T để lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, giá trị quy đổi thành tiền theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện An Phú là 7.420.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất của vụ án thì thấy như sau:

Bị cáo Phạm Thị Bé S là người thành niên, có đầy đủ nhận thức, biết được việc lấy trộm tài sản người khác là hành vi trái pháp luật. Bị cáo có khả năng lao động nhưng do bản tính lười biếng, muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn bản thân nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Sau khi lấy trộm tài sản của bà T bị cáo đã mang đi bán để tiêu xài cá nhân, việc cơ quan công an phát hiện và thu giữ số tiền do bán tài sản là ngoài ý muốn của bị cáo. Do đó bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi của mình. Trong vụ án này, bị cáo là người chủ động thực hiện hành vi phạm tội, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương cho nên cần phải có mức hình phạt nghiêm để răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét các tình tiết như bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã chủ động khắc phục hậu quả, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; trình độ học vấn thấp; bị cáo không có dự mưu từ trước, hành vi phạm tội là nhất thời; bị cáo đang nuôi con nhỏ; bị hại có yêu cầu không xử phạt tù với bị cáo để giảm nhẹ hình phạt.

[4] Về hình phạt:

Xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách của địa phương, không phạm tội mới nên cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe.

Lẽ ra bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên xét thấy hoàn cảnh kinh tế bị cáo khó khăn nên không áp dụng.

[5] Các biện pháp tư pháp khác:

Tài sản lấy trộm bị hại đã nhận lại và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Đối với chiếc xe đạp mà bị cáo sử dụng để đi đến nhà bà T, quá trình điều tra được ông Phạm Văn X cho biết là xe đạp của con gái ông dùng đi học, hôm đó bị cáo lấy mà không hỏi ý kiến của ông và được bị cáo thừa nhận. Xét thấy: Việc bị cáo sử dụng chiếc xe đạp để đến nhà bà T không nhằm mục đích lấy trộm tài sản, do vậy không xem xét xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Trả lại cho bị cáo 01 (một) áo thun nữ, ngắn tay, màu vàng chấm bi đen, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun nữ, màu vàng chấm bi đen, đã qua sử dụng do không liên quan đến việc phạm tội.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 106, Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Bé S phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Bé S 06 (S) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) áo thun nữ, ngắn tay, màu vàng chấm bi đen, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun nữ, màu vàng chấm bi đen, đã qua sử dụng.

(Tất cả vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/6/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện An Phú với Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị Bé S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/8/2018), các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Bảo

* ***Nơi nhận***:
- Những người tham gia tố tụng;
- CA, VKS huyện AP;
- Tòa án tỉnh AG;
- Sở TP AG;
- THA DS H.An Phú;
- UBND xã Vĩnh Trường H.AP;
- Cơ quan THA HS;
- Lưu HS – VP.